

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **193/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 29-9-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Lan

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 723/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 175/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Văn Ph**, sinh năm 1990.

Địa chỉ thường trú: Số B, tổ B, khu phố L, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

- Bị đơn: Bà **Trần Thị Hồng Nh**, sinh năm 1992.

Địa chỉ thường trú: Số B, tổ B, khu phố L, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

Địa chỉ liên hệ: Tổ C, khu phố L, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

(Ông Ph, bà Nh có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên hòa giải, nguyên đơn ông Lê Văn Ph trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian quen biết và tìm hiểu, ông và bà Trần Thị Hồng Nh phát sinh tình cảm và quyết định đi đến hôn nhân. Ông và bà

Nh đăng ký kết hôn vào ngày 15/10/2015 và được Ủy ban nhân dân xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Ủy ban nhân dân phường Tam Phước, tỉnh Đồng Nai) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 230/2015. Việc kết hôn là tự nguyện, không có sự cưỡng ép.

Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận. Nhưng về sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai đã cố gắng khắc phục để tiếp tục cuộc sống hôn nhân nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và gay gắt. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau. Vợ chồng ông đã sống ly thân từ tháng 06/2024 đến nay, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Nay ông xác định không còn tình cảm với bà Nh, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Nh.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên Lê Ngọc L, sinh ngày 16/5/2016 và Lê Duy L1, sinh ngày 26/8/2019. Khi ly hôn, ông yêu cầu Tòa án giao cả hai con chung cho bà Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục vì hiện tại các cháu đang ở với bà Nh, phát triển tốt về mọi mặt.

Về cấp dưỡng: Ông cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000 đồng/tháng/01 con (tổng cộng là 6.000.000 đồng/tháng/02 con) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận công việc nên ông xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai, bị đơn bà Trần Thị Hồng Nh trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Văn Ph tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Ủy ban nhân dân phường Tam Phước, tỉnh Đồng Nai) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 230/2015.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2024 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm và có sự khác biệt về lối sống. Bà và ông Ph đã không còn chung sống với nhau từ tháng 06/2024 đến nay, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông Ph, vợ chồng không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên bà cũng đồng ý ly hôn với ông Ph.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên Lê Ngọc L, sinh ngày 16/5/2016 và Lê Duy L1, sinh ngày 26/8/2019. Hiện nay hai cháu đang sống cùng với bà, được bà chăm sóc và phát triển tốt về mọi mặt. Khi ly hôn, bà xin được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung.

Về cấp dưỡng: Ông Ph cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000 đồng/tháng/01 con (tổng cộng là 6.000.000 đồng/tháng/02 con) cho đến khi các

con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động thì bà cũng đồng ý.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận công việc nên bà xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử cho ông Lê Văn Ph được ly hôn với bà Trần Thị Hồng Nh.

+ Về con chung: Giao hai con chung tên Lê Ngọc L, sinh ngày 16/5/2016 và Lê Duy L1, sinh ngày 26/8/2019 cho bà Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng: Ông Ph cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000 đồng/tháng/01 con (tổng cộng là 6.000.000 đồng/tháng/02 con) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

+ Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Ông Ph phải chịu án phí về việc ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Văn Ph khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Trần Thị Hồng Nh đăng ký thường trú và sinh sống tại địa chỉ: Khu phố L, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thực hiện Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai tiếp tục giải quyết vụ án và xét xử vụ án theo thẩm quyền.

Nguyên đơn ông Lê Văn Ph và bị đơn bà Trần Thị Hồng Nh đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn Ph và bà Trần Thị Hồng Nh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Ủy ban nhân dân phường Tam Phước, tỉnh Đồng Nai) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 230/2015 ngày 15/10/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Ph và bà Nh là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Ph, bà Nh đều xác định vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, hôn nhân không có hạnh phúc và đã sống ly thân thời gian dài từ tháng 06/2024 đến nay; vợ chồng không có khả năng hàn gắn, hòa giải đoàn tụ. Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa ông Ph và bà Nh là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Ph yêu cầu ly hôn với bà Nh là có cơ sở. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Ph, cho ông Ph được ly hôn với bà Trần Thị Hồng Nh.

[2.2] Về con chung: Ông Ph và bà Nh có hai con chung tên Lê Ngọc L, sinh ngày 16/5/2016 và Lê Duy L1, sinh ngày 26/8/2019. Khi ly hôn, ông Ph có ý kiến giao cả hai con cho bà Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Ph cấp dưỡng nuôi cả hai con mỗi tháng 6.000.000 đồng (3.000.000đồng/tháng/01 con). Theo bản tự khai, ông Ph và bà Nh trình bày hiện nay cháu Linh và cháu Long vẫn đang sống với bà Nh, được bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng, phát triển bình thường về mọi mặt và cháu Linh cũng có nguyện vọng được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Bà Nh có công việc, nơi ở ổn định và để đảm bảo cho việc phát triển tốt nhất về thể chất, tâm lý của các con chưa thành niên khi cha mẹ ly hôn, không chia rẽ tình cảm chị em; Hội đồng xét xử xét thấy giao cả hai cháu L và cháu L1 cho bà Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên là phù hợp theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Ph cấp dưỡng nuôi cả hai con mỗi tháng số tiền 6.000.000 đồng (3.000.000 đồng/tháng/01 con), thời gian cấp dưỡng kê từ ngày tuyên án cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông Ph được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Đương sự xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Lê Văn Ph phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 220, 228, 235, 238, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Ph về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với bà Trần Thị Hồng Nh.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Lê Văn Ph được ly hôn với bà Trần Thị Hồng Nh.

- *Về con chung:* Giao hai con chung tên Lê Ngọc L, sinh ngày 16/5/2016 và Lê Duy L1, sinh ngày 26/8/2019 cho bà Trần Thị Hồng Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Lê Văn Ph cấp dưỡng nuôi cả hai con chung mỗi tháng 6.000.000 đồng (3.000.000 đồng/tháng/01 con), thời gian cấp dưỡng kể từ khi tuyên án cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không xem xét.

2. Về án phí: Ông Lê Văn Ph phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền

300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông Ph đã nộp theo biên lai thu số 0006195 ngày 18/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Đồng Nai). Ông Lê Văn Ph phải nộp tiếp số tiền án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Lan

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Đồng Thị Kim Thoa